

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC - 78
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo của Kiểm toán viên	4 - 5
Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78, tên tiếng Anh là: ACC 78 - CEMENT JOINT STOCK COMPANY tiền thân là Nhà máy Xi măng 78 thuộc Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC - Quân chủng Phòng không - Không quân được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo Quyết định số 58/QĐ - BQP ngày 08/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng v/v: "Phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy Xi măng 78 thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Hàng không thành Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78". Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900517013, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06 tháng 4 năm 2010, theo đó:

- Công ty có vốn điều lệ: 21.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng), trong đó:

+ Vốn góp của Nhà nước : 12.239.000.000 đồng, chiếm 56,66 % vốn điều lệ;

+ Vốn góp của các cổ đông khác : 9.361.000.000 đồng, chiếm 43,34 % vốn điều lệ.

Vốn điều lệ được chia thành 2.160.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần.

- Công ty có trụ sở tại xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

- Số điện thoại: 0253 825 200; Fax: 0253 727 247

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất xi măng, bao bì;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vật liệu xây dựng, vật liệu khác;
- Khai thác, chế biến, mua bán: đá, đất, cát, sỏi;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt máy móc thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khai thác bến bãi, kho tàng, nhà xưởng;
- Dịch vụ thương mại và cho thuê văn phòng.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên trong Hội đồng quản trị của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Ông Vũ Tiến Thiệu	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 07/3/2011
Bà Phạm Thu Hương	Ủy viên HĐQT	Từ ngày 06/4/2010
Ông Chu Kim Anh	Ủy viên HĐQT	Từ ngày 06/4/2010
Ông Hoàng Quang Cảnh	Ủy viên HĐQT	Từ ngày 06/4/2010
Ông Lê Hồng Việt	Ủy viên HĐQT	Từ ngày 07/4/2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên trong Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Ông Vũ Tiến Thiệu	Tổng Giám đốc	Từ ngày 07/3/2011
Ông Chu Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 11/01/2013
Ông Lê Hồng Việt	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 12/01/2012
Bà Phạm Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 28/3/2011

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân	Trưởng Ban	Từ ngày 06/4/2010
Ông Hoàng Văn Mắm	Thành viên	Từ ngày 06/4/2010
Ông Vũ Xuân Kiên	Thành viên	Từ ngày 06/4/2010

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương (HVAC), thành viên hãng kiểm toán Eura Audit International đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL



Số. 028 /2014/BCTC - HVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

Về: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị
- Ban Giám đốc
- Các cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78 (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập tại ngày 22/01/2014, được trình bày từ trang 6 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty, trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 808, CT5-DN2, Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 * Fax: (84-4) 3787 1422 * Hotline: 0914 375 380
Email: contact@hvac.com.vn * Website: www.hvac.com.vn

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII "Thông tin khác" trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó: Trong năm 2013 Công ty có giao dịch bán hàng với bên liên quan là Tổng Công ty Xây dựng Công trình hàng không ACC, khoản giao dịch này chiếm một tỉ lệ đáng kể trong doanh số và lợi nhuận của Công ty năm 2013. Trong năm 2013 Công ty cũng thay đổi ước tính kế toán liên quan thời gian sử dụng của một số tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị.



Nguyễn Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1087 - 2013 - 098 - 01

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Duy Trung

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1967 - 2013 - 098 - 01



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.049.481.119	15.730.573.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.803.197.886	1.078.492.996
1. Tiền	111		1.803.197.886	1.078.492.996
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		5.835.884.592	3.814.807.361
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	5.377.831.765	3.281.578.150
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	237.958.650	313.828.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	220.094.177	219.401.211
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	7.760.107.185	8.694.537.564
1. Hàng tồn kho	141		7.760.107.185	8.694.537.564
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		650.291.456	2.142.735.507
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	650.291.456	2.142.735.507
B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		12.021.083.142	14.660.578.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.737.683.805	14.483.481.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.480.706.755	12.208.827.252
- Nguyên giá	222		52.886.029.564	53.376.538.790
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(43.405.322.809)	(41.167.711.538)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.186.630.050	2.204.306.818
- Nguyên giá	228		2.204.306.818	2.204.306.818
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.676.768)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	70.347.000	70.347.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		283.399.337	177.097.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		65.618.337	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	217.781.000	177.097.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.070.564.261	30.391.151.498

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
I	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.356.278.229	14.705.581.954
I. Nợ ngắn hạn	310		12.356.278.229	9.179.272.140
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	600.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	2.432.571.608	3.911.088.632
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	161.637.804	150.405.440
5. Phải trả người lao động	315		36.789.829	69.336.713
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	9.125.278.988	5.048.441.355
II. Nợ dài hạn	330		-	5.526.309.814
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	5.526.309.814
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		15.714.286.032	15.685.569.544
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	15.714.286.032	15.685.569.544
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.600.000.000	21.600.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		37.527.736	18.763.868
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	18.763.868
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.923.241.704)	(5.951.958.192)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.070.564.261	30.391.151.498

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		1.282.799.305	1.282.799.305

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đàm Thị Loan

Phạm Thị Hương

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Tiến Triều

010193
CÔNG
ÁCH NH
KIỂM
HÙNG
KIỂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	30.908.551.417	29.572.570.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.695.449	5.481.854
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	30.896.855.968	29.567.088.227
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	22.745.695.027	27.194.043.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.151.160.941	2.373.045.221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.542.461	16.169.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.03	116.817.775	991.952.735
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		116.817.775	976.311.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	5.286.825.327	3.714.637.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	2.611.394.295	3.634.581.860
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		143.666.005	(5.951.958.192)
11. Thu nhập khác	31		387.636.400	-
12. Chi phí khác	32		502.585.917	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(114.949.517)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.716.488	(5.951.958.192)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.716.488	(5.951.958.192)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thư
Đàm Thị Loan

Phạm Thu Hương
Phạm Thu Hương

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Diên Chiêu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.716.488	(5.951.958.192)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.570.658.470	3.676.599.108
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		68.550.842	-
- Chi phí lãi vay	06		116.817.776	976.311.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		2.784.743.576	(1.299.048.084)
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(1.814.693.957)	321.341.086
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		934.430.379	2.098.509.102
- (Tăng)/ (giảm) các khoản phải trả	11		(2.949.303.725)	(1.634.453.704)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		17.733.216	669.154.780
- Lãi tiền vay đã trả	13		(116.817.776)	(775.890.164)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(76.826.744)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.286.060.777	30.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(40.684.000)	(40.684.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.468.490	(707.897.728)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(364.400.000)	(360.454.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn	22		387.636.400	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.236.400	(360.454.546)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		600.000.000	6.956.368.240
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(7.255.225.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		600.000.000	(298.857.732)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		724.704.890	(1.367.210.006)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.078.492.996	2.445.703.002
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	1.803.197.886	1.078.492.996

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc

Thư
Đàm Thị Loan

Phạm Phú Hương
Phạm Phú Hương



Vũ Tiến Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC- 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78 tiền thân là Nhà máy Xi măng 78 thuộc Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC - Quân chủng Phòng không - Không quân được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo quyết định số 58/QĐ - BQP ngày 08/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy Xi măng 78 thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Hàng không thành Công ty Cổ phần Xi măng ACC - 78". Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900517013 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06 tháng 4 năm 2010.

- Vốn điều lệ: 21.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng), trong đó:

+ Vốn góp của Nhà nước : 12.239.000.000 đồng, chiếm 56,66 % vốn điều lệ;

+ Vốn góp của các cổ đông khác : 9.361.000.000 đồng, chiếm 43,34 % vốn điều lệ.

Vốn điều lệ được chia thành 2.160.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần.

1. Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải ;
- Khai thác bến bãi, kho tàng, nhà xưởng ...

3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất xi măng, bao bì;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vật liệu xây dựng, vật liệu khác;
- Khai thác, chế biến, mua bán: đá, đất, cát, sỏi;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt máy móc thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khai thác bến bãi, kho tàng, nhà xưởng;
- Dịch vụ thương mại và cho thuê văn phòng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1 Kỳ kế toán áp dụng**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam "VND", hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 206/2009/BTC-TT ngày 27/10/2009 và Thông tư số 244/2009/BTC-TT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Phương xác định giá trị hàng tồn kho: Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Đối với thành phẩm, hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được lập vào thời điểm cuối năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc, giá gốc của tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

6. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

7. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh thực tế.

10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả năm hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục đã được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trước đó, trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC- 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.034.351.687	424.870.242
Tiền mặt Việt Nam đồng tại quỹ	1.034.351.687	424.870.242
Tiền gửi ngân hàng (VND)	768.846.199	653.622.754
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	55.249.518	178.377.060
Ngân hàng Đầu tư & PT Việt Nam - CN Lạng Sơn	396.905.747	136.407.418
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Hữu Lũng	316.690.934	338.838.276
Tổng cộng	1.803.197.886	1.078.492.996

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Xây dựng Hàng không ACC	2.717.828.275	-
Công ty CP Vận tải và Thương mại Văn Giang	489.540.700	489.540.700
Công ty TNHH Thạch Ký Viên - Hữu Lũng	458.300.191	-
Công ty TNHH MTV Khởi Phát	301.030.000	71.100.000
Đặng Văn Đức - Yên Viên	175.980.000	18.395.000
Vũ Xuân Kiên - Cửa hàng VL X78	95.672.000	-
Hoàng Thị Ninh - Đồng Mô	95.600.000	32.350.000
Vũ Đức Bình Minh - Cầu 10 - HL	92.774.149	-
Công ty CPXD Xuân Hoà	81.728.500	25.020.000
Công ty TNHH MTV Quốc tế TM Cừ Long	60.000.000	80.320.000
Công ty Trường phúc Hoàng	59.860.000	31.160.000
Vũ Xuân Hồng - Đống Đa	48.300.000	-
Công ty CP Xi măng Bắc Giang	45.720.300	-
Chu Anh Tuấn	45.450.000	-
Tân Văn Sáng - Yên Viên	40.340.000	-
Hồ Quang Nghiêm - Yên Viên	38.010.000	-
Công ty TNHH Nguyễn Tú	26.880.000	-
Nguyễn Văn Minh - HL	23.590.000	-
Công ty TNHH MTV Cường Huệ - Bắc Giang	22.205.000	-
Công ty TNHH Hải Cung	-	691.704.961
Công ty TNHH TM & Vận tải Anh Đào - Bắc Ninh	-	640.385.207
DNTN 668 - Bắc Giang	-	191.780.000
DNTN Thành Nam - Bắc Giang	-	270.757.985
XN Đầu tư Phát triển Nhà	-	138.220.000
Các khách hàng khác	459.022.650	600.844.297
Tổng cộng	5.377.831.765	3.281.578.150

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC- 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Mỏ	105.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	88.641.500	-
Công ty TNHH Máy và Thiết bị phụ tùng Việt Nam	-	303.750.000
Các nhà cung cấp khác	44.317.150	10.078.000
Tổng cộng	237.958.650	313.828.000

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội huyện Hữu Lũng	13.132.949	37.539.983
Phải thu Hội phụ nữ Công ty	20.000.000	-
Tạm chi quỹ phúc lợi, khen thưởng (*)	186.961.228	181.861.228
Tổng cộng	220.094.177	219.401.211

(*): Do quỹ phúc lợi không đủ nguồn, Công ty đã chi và hạch toán vào tài khoản 138 "Phải thu khác" năm sau thực hiện kết chuyển khi quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.606.255.033	1.512.125.860
Công cụ dụng cụ	2.519.862.582	2.572.549.770
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	504.005.734	2.231.725.454
Thành phẩm tồn kho	1.888.620.200	2.378.136.480
Hàng hóa	241.363.636	-
Tổng cộng	7.760.107.185	8.694.537.564

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	234.849.423	441.232.697
Phân xưởng Khai thác đá	90.169.423	317.872.697
Phòng Kế hoạch	74.400.000	74.400.000
Phòng Kỹ thuật	12.500.000	11.000.000
Nguyễn Văn Đăng - Phòng Kinh doanh	15.000.000	-
Phạm Xuân Lễ - Phân xưởng Sản xuất Vôi	14.280.000	-
Cán bộ nhận viên tạm ứng lương	28.500.000	37.960.000
Chi sự nghiệp	415.442.033	1.701.502.810
BHXH, BHYT, Trợ cấp cho đối tượng chờ nghỉ hưu	415.442.033	1.701.502.810
Tổng cộng	650.291.456	2.142.735.507



CÔNG TY CỔ XÍ MĂNG ACC - 78

Địa chỉ: xã Đông Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	23.018.057.331	25.341.215.636	4.813.101.460	186.070.656	18.093.707	53.376.538.790
Tăng trong năm	50.000.000	314.400.000	-	-	-	364.400.000
- Mua trong năm	-	314.400.000	-	-	-	314.400.000
- XDCB hoàn thành	50.000.000	-	-	-	-	50.000.000
Giảm trong năm	(76.268.400)	(578.975.000)	(61.001.463)	(120.570.656)	(18.093.707)	(854.909.226)
- Chuyển sang Công cụ dụng cụ	(26.268.400)	(94.575.000)	(61.001.463)	(120.570.656)	(18.093.707)	(320.509.226)
- Thanh lý, nhượng bán	(50.000.000)	(484.400.000)	-	-	-	(534.400.000)
Tại ngày 31/12/2013	22.991.788.931	25.076.640.636	4.752.099.997	65.500.000	-	52.886.029.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	17.784.769.210	19.491.589.302	3.711.227.822	163.539.306	16.585.898	41.167.711.538
Tăng trong năm	1.045.842.039	1.188.924.976	310.591.765	7.245.972	376.950	2.552.981.702
- Số khấu hao trong năm	1.045.842.039	1.188.924.976	310.591.765	7.245.972	376.950	2.552.981.702
Giảm trong năm	(26.414.384)	(119.866.042)	(46.841.879)	(105.285.278)	(16.962.848)	(315.370.431)
- Chuyển sang Công cụ dụng cụ	(23.914.385)	(44.153.283)	(46.841.879)	(105.285.278)	(16.962.848)	(237.157.673)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.499.999)	(75.712.759)	-	-	-	(78.212.758)
Tại ngày 31/12/2013	18.804.196.865	20.560.648.236	3.974.977.708	65.500.000	-	43.405.322.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	5.233.288.121	5.849.626.334	1.101.873.638	22.531.350	1.507.809	12.208.827.252
Tại ngày 31/12/2013	4.187.592.066	4.515.992.400	777.122.289	-	-	9.480.706.755

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC – 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	1.886.125.000	318.181.818	2.204.306.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.886.125.000</u>	<u>318.181.818</u>	<u>2.204.306.818</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	-	-
Tăng trong năm	-	17.676.768	17.676.768
- Số khấu hao trong năm	-	17.676.768	17.676.768
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.676.768</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	<u>1.886.125.000</u>	<u>318.181.818</u>	<u>2.204.306.818</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.886.125.000</u>	<u>318.181.818</u>	<u>2.186.630.050</u>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí san lấp tạo mặt bằng khu Nhị Hà	70.347.000	70.347.000
Tổng cộng	<u>70.347.000</u>	<u>70.347.000</u>

10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn	217.781.000	177.097.000
Tổng cộng	<u>217.781.000</u>	<u>177.097.000</u>

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay Ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	600.000.000	-
Tổng cộng	<u>600.000.000</u>	<u>-</u>

(*): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 12/9/2013 và 02/2013/HĐ ngày 26/10/2013, mục đích sử dụng: làm vốn lưu động, thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất: 11%/năm, trả nợ gốc và lãi vào cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC – 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. Phải trả người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Kim Sơn	1.156.030.810	-
Xí nghiệp Cơ khí 59 - Công ty 27	267.028.000	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	200.108.811	218.050.196
Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn	177.961.400	-
DNTN Tiến Phương	141.135.265	268.006.911
Công ty CP- TM và ĐTXD Dung Linh	125.410.596	125.410.596
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Lạng Sơn	102.385.500	-
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Cửu Long	85.316.000	-
Công ty TNHH MTV Long Sơn	65.500.000	-
Công ty TNHH TM Hoàng Gia	-	1.726.902.769
Công ty CP Xi măng Bắc Giang	-	930.684.825
Công ty TNHH Đăng Minh.GM	-	194.881.369
Công ty TNHH XD và TM Hoàng Phát	-	143.321.296
Công ty Vật tư Tây Bắc	-	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	111.695.226	203.830.670
Tổng cộng	<u>2.432.571.608</u>	<u>3.911.088.632</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT đầu ra	90.837.487	107.331.002
Thuế tài nguyên	38.939.917	33.056.838
Phí bảo vệ môi trường	31.860.400	10.017.600
Tổng cộng	<u>161.637.804</u>	<u>150.405.440</u>

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí Công đoàn	81.893.724	141.266.814
Bảo hiểm XH, BHYT, BHTN	221.625.705	402.747.346
Phải trả phải nộp khác, trong đó:	8.821.759.559	4.504.427.195
- Công ty XD công trình Hàng không ACC (*)	8.694.403.206	4.371.038.042
- Cổ tức năm 2011 chưa chi trả	121.978.175	121.978.175
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.378.178	11.410.978
Tổng cộng	<u>9.125.278.988</u>	<u>5.048.441.355</u>

(*) Trong đó, chủ yếu bao gồm:

a/ Khoản nợ: 5.526.309.814 đồng theo kế ước số 01.06/211/ACC-XM78 ngày 01/6/2011, mục đích sử dụng làm vốn lưu động, thời hạn vay 2 năm, lãi suất 2,4%/năm, trả nợ gốc và lãi vào cuối kỳ. Đến thời điểm 31/12/2013 chưa có phụ lục gia hạn. Báo cáo tài chính năm 2013 chỉ ghi nhận lãi tiền vay phải trả đến hết 31/5/2013;

b/Khoản nợ còn lại chưa trả của khoản vay Tổng Công ty Công trình hàng không ACC theo tờ trình phê duyệt ngày 29/12/2012, số tiền vay: 4.400.000.000 đồng, lãi suất vay: 0%; Thời gian vay: 01 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC – 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	21.600.000.000	18.763.868	18.763.868	-	21.637.527.736
- Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(5.951.958.192)	(5.951.958.192)
Số dư cuối năm trước	21.600.000.000	18.763.868	18.763.868	(5.951.958.192)	15.685.569.544
Số dư đầu năm nay					
- Tăng vốn năm nay	-	18.763.868	-	-	18.763.868
- Lãi trong năm nay	-	-	-	28.716.488	28.716.488
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm nay	-	-	(18.763.868)	-	(18.763.868)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	21.600.000.000	37.527.736	-	(5.923.241.704)	15.714.286.032

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	12.239.000.000	12.239.000.000
Vốn của người lao động và các cá nhân khác	9.361.000.000	9.361.000.000
Tổng cộng	21.600.000.000	21.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	21.600.000.000	21.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	21.600.000.000	21.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng đầy đủ	2.160.000	2.160.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.160.000	2.160.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đ/CP		

32048 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN XI MĂNG
HỮU LŨNG
TOÁN
VƯƠNG
TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC – 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán xi măng	15.898.559.893	24.070.400.549
Doanh thu bán bột khoáng	9.743.480.250	-
Doanh thu bán đá xây dựng	2.538.655.360	2.879.527.036
Doanh thu sản phẩm gạch	141.356.350	-
Doanh thu bán vôi	-	988.306.196
Doanh thu cho thuê mặt bằng, dây chuyền sản xuất đá	2.422.863.200	1.494.336.300
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng	163.636.364	136.363.637
Doanh thu khác	-	3.636.363
Tổng doanh thu	30.908.551.417	29.572.570.081
Giảm trừ doanh thu	(11.695.449)	(5.481.854)
Tổng doanh thu thuần	30.896.855.968	29.567.088.227

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn sản phẩm xi măng	14.775.031.114	23.064.264.343
Giá vốn sản phẩm bột khoáng	5.010.258.923	-
Giá vốn đá xây dựng	2.500.181.365	2.755.648.270
Giá vốn sản phẩm gạch	131.215.455	-
Giá vốn sản phẩm vôi	-	1.125.393.276
Giá vốn hđ cho thuê mặt bằng, dây chuyền SX đá	286.558.089	225.849.477
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng	42.450.081	22.887.640
Tổng cộng	22.745.695.027	27.194.043.006

3. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	102.045.408	991.952.735
Chi phí tài chính khác	14.772.367	15.641.735
Tổng cộng	116.817.775	991.952.735

4. Chi phí bán hàng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	419.971.028	680.692.675
Chi phí vật liệu, bao bì	2.099.820.991	1.656.074.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.899.636	83.658.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.641.502.154	1.190.436.719
Chi phí bằng tiền khác	93.631.518	103.775.925
Tổng cộng	5.286.825.327	3.714.637.871



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC - 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.124.315.389	1.168.994.323
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.950.869	39.270.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.696.568	318.870.368
Thuế, phí và lệ phí	312.359.804	447.474.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.821.248	350.691.450
Chi phí bằng tiền khác	588.250.417	1.309.280.589
Tổng cộng	2.611.394.295	3.634.581.860

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về bên liên quan***a/Giao dịch với bên liên quan:*

	Mối quan hệ	Năm 2013	Năm 2012
Giao dịch vay vốn			
Công ty XD công trình hàng không ACC	Công ty mẹ	-	4.400.000.000
Giao dịch bán hàng			
Công ty XD công trình hàng không ACC (*)	Công ty mẹ	10.918.733.275	
	Công ty con của		
Công ty Cổ phần ACC 244	Công ty mẹ	154.055.000	
(*) Bán bột khoáng cho Công ty Xây dựng Công trình hàng không ACC, số lượng: 6.696, 55 tấn, đơn giá bình quân đã bao gồm thuế GTGT: 1.600.500 đồng/tấn; Bán xi măng: số lượng: 166,3 tấn, đơn giá bình quân đã bao gồm thuế GTGT: 1.208.088 đồng/tấn.			

b/Số dư với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng			
Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	Công ty mẹ	2.717.828.275	-
Phải trả khác			
Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	Công ty mẹ	8.694.403.206	4.371.038.042
Vay dài hạn			
Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	Công ty mẹ	-	5.526.309.814

c/Thu nhập của Ban giám đốc:

	Chức vụ	Năm 2013	Năm 2012
Ông Vũ Tiến Thiệu	Tổng giám đốc	65.893.307	76.273.172
Ông Chu Kim Anh	Phó Tổng giám đốc	62.252.158	48.943.472
Ông Lê Hồng Việt	Phó Tổng giám đốc	52.423.121	56.318.359
Bà Phạm Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	56.849.645	59.586.921

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC - 78

Địa chỉ: xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. Thay đổi ước tính kế toán

Năm 2013 Công ty thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị. Sự thay đổi này dẫn tới giá trị khấu hao tài sản cố định phân bổ vào chi phí trong năm giảm đi so với giá trị khấu hao khi chưa thay đổi là: 1.105.991.628 đồng.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

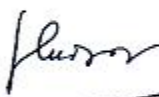
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Đàm Thị Loan


Phạm Thị Hằng




Vũ Tiến Triều



HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
EURA AUDIT INTERNATIONAL



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG ACC - 78

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính : Số 808, CT5-DN2, Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 * Fax: (84-4) 3787 1422 * Hotline: 0914 375 380

E-mail: contact@hvac.com.vn * Website: www.hvac.com.vn

VP TP. Hồ Chí Minh: Số 196/3, Đường Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3948 3712 * Fax: (84-8) 3948 3713 * Hotline: 0989 436 688